TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27-11-2019.
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Võ Thành Hiệp.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

Bà Trần Thị Mộng Thu.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 414/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08-11-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 39, ấp V, xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1977 - Luật sư của Công ty Luật hợp danh N; địa chỉ: 467/7 Đại lộ Bình Dương, khu 1, phường P, thành phố TD, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 39, ấp V, xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Hoàng Thanh V, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường TP, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt;

2. Bà Lê Thị Thanh P, sinh năm 1998; địa chỉ: Số nhà 39, ấp V, xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt;

3. Bà Lê Thị B, sinh năm 1936; địa chỉ: Số nhà 39, ấp V, xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt;

4. Bà Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà 39, ấp V, xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-7-2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 11-8-2017; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19-6-2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 19-6-2018; đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung ngày 09-10-2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Minh T tự tìm hiểu nhau và sống chung với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người ấy lo. Bà Th và ông T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Bà Th xác định ông bà không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Th và ông T có 02 con tên Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15-10-1993 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 13-10-1998; các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất diện tích 505 m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 494,9m^2) thuộc thửa đất số 917, tờ bản đồ số 24 tại xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 510480, số vào sổ H 01846 do Ủy Ban huyện TU (nay là thị xã TU), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25-9-2007 cho ông Lê Minh T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Th. Bà Th xác định đây là tài sản chung do vợ chồng cùng tạo lập nên yêu cầu Tòa án chia đôi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, ngày 09-10-2019, bà Th có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Lê Minh T.

Về nợ chung: Bà Th và ông T sống chung với nhau từ năm 1990. Vào năm 2011, ông T pH đi chấp hành án phạt tù do vi phạm pháp luật. Bà Th pH một mình chăm sóc gia đình, nuôi hai con Lê Thị Ngọc Tr và Lê Thị Thanh P nên pH vay nợ của ông Võ Hoàng Thanh V số tiền 240.000.000 đồng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa Th của các đương sự số 22/2017/QĐST-DS ngày 24-5-2017 của Tòa án nhân dân thị xã TU buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hoàng Thanh V số tiền 240.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Th xác định đây là nợ chung của bà Th và ông T nên bà Th yêu cầu Tòa án chia đôi phần nợ này. Ngày 09-10-2019, bà Th có đơn xin rút yêu cầu chia nợ chung đối với ông Lê Minh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Doãn H trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Th.

Bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Minh T thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Lê Minh T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

- *Về con chung:* Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Th. Trong thời gian chung sống, bà Th và ông T có 02 con tên Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15-10-1993 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 13-10-1998; các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Th có đơn rút yêu cầu khởi kiện nên ông T không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc Tr, Lê Thị Thanh P thống nhất trình bày: Về yêu cầu ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn đối với bị đơn cháu Tr và cháu P không liên quan nên không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị B trình bày: Quyền sử dụng đất diện tích 505m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 494,9m^2) thuộc thửa đất số 917, tờ bản đồ số 24 tại xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 510480, số vào sổ H 01846 do Ủy Bn huyện TU (nay là thị xã TU), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25-9-2007 cho ông Lê Minh T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Th có nguồn gốc là do vợ chồng bà Lê Thị B tạo lập. Ngày 06-9-2007, bà B đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích 998m^2 thuộc thửa đất số 917, tờ bản đồ số 24 tại xã TVH cho ông T và bà Th nhưng với điều kiện vợ chồng ông T và bà Th có nghĩa vụ chăm sóc bà B lúc già yếu. Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất ông T và bà Th đã chuyển nhượng cho người khác ½ diện tích đất. Do đó, hiện nay diện tích đất còn lại 505m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 494,9m^2), bà Th yêu cầu Tòa án chia đôi quyền sử dụng đất này, bà B không đồng ý. Bà B làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án chia quyền sử dụng đất này thành B phần, bà Bà nhận một phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ngày 25-4-2019, bà Lê Thị B có đơn rút yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hoàng Thanh V trình bày: Ông V có cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 240.000.000 đồng. Tòa án thị xã TU đã giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông V và bà Th và có Quyết định công nhận sự thỏa Th của các đương sự số 22/2017/QĐST-DS ngày 24-5-2017, buộc bà Th phải thanh toán cho ông V số tiền 240.000.000 đồng. Do đó, ông V yêu cầu bà Th phải thanh toán cho ông V theo Quyết định này. Ngoài ra ông V không có ý kiến gì khác.

Ủy Bn nhân dân xã TVH, thị xã TU xác nhận: Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Minh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã TVH. Ông T và bà Th có hai con chung Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15-10-1993 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 13-10-1998. Về mâu thuẫn giữa ông T và bà Th địa P không biết rõ vì không nhận được đơn thư yêu cầu giải quyết về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T bà Th.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Minh T là những người đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông T. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện nên đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung. Bà Lê Thị B có đơn rút yêu cầu độc lập nên đình chỉ yêu cầu độc lập của bà B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Minh T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp tài sản chung"; bị đơn ông Lê Minh T có địa chỉ cư trú tại xã TVH, thị xã TU nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Minh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà Th không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và

tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Do đó, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T là không có cơ sở chấp nhận mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông T.

[3]. Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con tên Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15-10-1993 và Lê Thị Thanh P, sinh ngày 13-10-1998; các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn.

[5] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B: Bà Lê Thị B có đơn rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ yêu cầu độc lập của bà B.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[7]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn pH nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Bn nhân Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 28, 35, 36, 39, 92, 146, 147, 205, 206, 220, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, 15, 16, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Th với ông Lê Minh T;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Minh T.

- Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

2. Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th với bị đơn ông Lê Minh T.

3. Đình chỉ xét xử về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng), đã thực hiện xong.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013344, ngày 10-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Th được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA dân sự thị xã TU;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Võ Thành Hiệp